

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 17/2017/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 20 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là CTMTQG); số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 1975/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước để làm căn cứ triển khai các dự án, chương trình thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Mức chi

1. Hỗ trợ các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Dự án trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, các xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển:

- Đối với dự án do cấp tỉnh triển khai: tối đa 500 triệu đồng/dự án;
- Đối với dự án cấp huyện triển khai: tối đa 400 triệu đồng/dự án;
- Đối với dự án cấp xã triển khai: tối đa 300 triệu đồng/dự án;

Mức kinh phí hỗ trợ nêu trên không bao gồm kinh phí hỗ trợ mua vacxin tiêm phòng chống dịch trên gia súc, gia cầm.

b) Dự án trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135:

- Đối với dự án do cấp tỉnh triển khai: tối đa 400 triệu đồng/dự án;
- Đối với dự án do cấp huyện triển khai: tối đa 350 triệu đồng/dự án;
- Đối với dự án cấp xã triển khai: tối đa 300 triệu đồng/dự án.

Mức kinh phí hỗ trợ nêu trên không bao gồm kinh phí hỗ trợ mua vacxin tiêm phòng chống dịch trên gia súc, gia cầm.

c) Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn bản; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Căn cứ tình hình, đặc điểm cụ thể của từng địa phương và nguồn kinh phí được phân bổ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát



nghèo tham gia mô hình trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến để triển khai thực hiện.

2. Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế

Mức hỗ trợ dự án: tối đa 5.000 triệu đồng/dự án.

3. Mức chi xây dựng và quản lý dự án

Tối đa 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

4. Mức hỗ trợ đối với các hộ gia đình tham gia dự án

a) Hộ nghèo: tối đa 15 triệu đồng/hộ/dự án.

b) Hộ cận nghèo: tối đa 14 triệu đồng/hộ/dự án.

c) Hộ mới thoát nghèo: tối đa 13 triệu đồng/hộ/dự án.

5. Mức hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ

a) Hỗ trợ hộ gia đình trong thuê, mua, sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất: mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: tối đa 300 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã/dự án.

6. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem

a) Loại phương tiện nghe - xem

- Ti vi màu cỡ 32 inch, thiết bị thu tín hiệu truyền hình vệ tinh và cáp nối từ thiết bị thu đến ti vi.

- Radio.

Đảm bảo phù hợp với quy chuẩn quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông.

b) Hình thức hỗ trợ: chủ đầu tư cấp phát trực tiếp cho người dân.

c) Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ phương tiện xem:

+ Đối với khu vực chưa có sóng truyền hình mặt đất: Mức hỗ trợ 01 bộ thiết bị: tối đa 7.500.000 đồng/01 bộ thiết bị/01 hộ nghèo (bao gồm cả hoạt động lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại địa bàn dân cư);

+ Đối với khu vực có sóng truyền hình mặt đất: mức hỗ trợ 01 bộ thiết bị: tối đa 6.000.000 đồng/01 bộ thiết bị/01 hộ nghèo (bao gồm cả hoạt động lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại địa bàn dân cư).

- Mức hỗ trợ phương tiện nghe: tối đa 700.000đồng/01 radio/01 hộ nghèo.

7. Chi công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/xã/năm.

b) Đối với các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135 và xã bãi ngang ven biển được phân bổ kinh phí thực hiện các dự án trong năm: ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 7 triệu đồng/xã/năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các bộ: Tài chính; LĐ-TB&XH, NN&PTNT, TT&TT, Tư pháp (Cục KTVBQPPL) (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn